

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Số: 103/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 03 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 300/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn V, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 5, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Trần T, sinh năm 1986; địa chỉ: địa chỉ: Khu phố 5, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn V và anh Trần T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn V và anh Trần T tự nguyện, thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2012 ngày 30/5/2012 do Ủy ban nhân dân xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/5/2012 cho chị Nguyễn V và anh Trần T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trần A, sinh ngày 18/9/2015 và Trần B, sinh ngày 04/01/2014 cho anh Trần T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Trần T không yêu cầu chị Nguyễn V cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn V, anh Trần T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn V phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; anh Trần T phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh Trần T tự nguyện nộp thay cho chị Nguyễn V 75.000 đồng, tổng cộng số tiền anh Trần T phải nộp là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0029983 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Anh Trần T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng